

Số: 2750 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 9 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Quốc phòng; Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội; Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 1467/SLĐTBXH – NCC ngày 31/8/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giải quyết chế độ trợ cấp một lần cho 15 người cư trú tại các huyện, thành phố: Buôn Ma Thuột; Ea H'leo; Krông Pắc; Ea Kar và M'Đrăk là đối tượng trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (Có danh sách kèm theo) với số tiền 39.500.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi chín triệu, năm trăm ngàn đồng).

**Điều 2.** Kinh phí chi trả chế độ trợ cấp cho các đối tượng chính sách do ngân sách Trung ương bảo đảm. Sở Tài chính phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn UBND các huyện, thành phố thực hiện và thanh quyết toán theo qui định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các ông, bà có tên trong Danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Lao động – TBXH;
- CT UBND tỉnh (B/c);
- PCT UBND tỉnh (Đ/c H'Yim);
- Văn phòng UBND tỉnh  
+ CVP, PCVP (Đ/c Thu An);  
+ Các phòng: KT, TH, NC;
- Lưu: VT, KGVX(V- 18b).



H' Yim Kđoh



**DANH SÁCH TRỢ CẤP 01 LẦN THEO QUYẾT ĐỊNH 62/2011/QĐ-TTg**  
(Kèm theo Quyết định số: 2750 /QĐ - UBND, ngày 20 tháng 9 năm 2016 của UBND tỉnh)

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu	Sống hay chết	Số năm được hưởng	Mức trợ cấp (đồng)	Ghi chú
<b>huyện Krông Pắc</b>								
1	Võ Tấn Dân	1956	Duy Xuân - Quảng Nam	Thôn Phước Lộc 3 - Ea Phê	Sống	2	2.500.000	
2	Đỗ Thị Thanh	1961	Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	Thôn Phước Thọ 3 - Ea Phê	Sống	2	2.500.000	
3	Nguyễn Dục	1955	Tam Kỳ - Quảng Nam	Thôn 5a - Ea Phê	Sống	2	2.500.000	
<b>huyện M'Đrăk</b>								
4	Hoàng Thị Thuận	1958	Kinh Môn - Hải Dương	Thôn 3 - Krông Á	Sống	2	2.500.000	
<b>thành phố Buôn Ma Thuột</b>								
5	Nguyễn Đức Hạnh	1960	Phù Mỹ - Bình Định	Tổ dân phố 1 - Tân An	Sống	2	2.500.000	
6	Nguyễn Trung	1953	Tam Kỳ - Quảng Nam	Tổ dân phố 9 - Thành Công	Sống	2	2.500.000	
7	Trần Hiệp	1962	Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	Tổ dân phố 1 - Tân Tiến	Sống	2	2.500.000	
8	Võ Ngọc Chi	1958	An Nhơn - Bình Định	Tổ dân phố 6 - Tân Lập	Sống	2	2.500.000	
9	Ngô Văn Trung	1962	Duy Tiên - Hà Nam	Tổ dân phố 3 - Tân An	Sống	4,4	4.500.000	
10	Cao Hạ	1959	Phong Điền - Thừa Thiên Huế	Thành Công - Buôn Ma Thuột	Sống	2	2.500.000	
11	Trần Văn Minh	1958	Thừa Thiên Huế	01 Mạc Thị Bưởi - Thống Nhất	Sống	2	2.500.000	
12	Quách Cường	1956	Lạc Sơn - Hòa Bình	Thôn 2 - Hòa Thắng	Sống	2	2.500.000	
13	Y Thanh Niê	1955	Cư Mgar - Đắk Lắk	Buôn Ky - Thành Nhất	Sống	2	2.500.000	
<b>huyện Ea Kar</b>								
14	Nguyễn Văn Tánh	1950	Tuy Phước - Bình Định	Thôn Ninh Thanh 2 - Ea Kmut	Sống	2	2.500.000	
<b>huyện Ea H'leo</b>								
15	Nguyễn Văn Thanh	1958	Tuy Phước - Bình Định	Tổ dân phố 4 - Thị trấn Ea Drăng	Sống	2	2.500.000	

2/1